TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 378/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29/7/2020
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 11 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lại Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Như Nguyệt

2. Ông Nguyễn Minh Phương

***Thư ký phiên Tòa*:** Bà Trần Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 11.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 *tham gia phiên tòa*: Trương Võ Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 11 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 54/2020/HNGĐ-ST ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 34/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Viên Thúy N , sinh năm: 1996; địa chỉ: Số A đường L, Phường B, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt);

2. Bị đơn: Ông Ngô Thanh T, sinh năm: 1994; địa chỉ: Số B đường L, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/02/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Bà Viên Thúy N trình bày:

Bà N và Ông Ngô Thanh T quen biết nhau do cùng đi chơi chung, tự nguyện tìm hiểu được khoảng 04 (bốn) năm thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, Giấy chứng nhận kết hôn số C đăng kí ngày 03/8/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường N Quận Q Thành phố Hồ Chí Minh.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2018, chủ yếu là mâu thuẫn về mặt tình cảm, vợ chồng không có tiếng nói chung, quan điểm sống khác biệt, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ảnh hưởng đến con cái. Ông T không có trách nhiệm với vợ con, không phụ giúp kinh tế, mọi việc trong nhà chỉ có một mình bà N lo lắng, quán xuyến, bà N xác định bà không còn tình cảm với ông T.

Nay, nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, bà N không thể nào tiếp tục chung sống với ông T nên bà N đề nghị Tòa án giải quyết cho bà N được ly hôn với Ông Ngô Thanh T.

Về con chung: có 01 con chung là trẻ Ngô Thái H (nam), sinh ngày 02/7/2017. Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Ngô Thái H, bà yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Ngày 15/6/2020, bà N nộp đơn đề nghị rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn: trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ về nơi cư trú của bị đơn, theo kết quả xác minh Công an Phường N, Quận Q cho biết Ông Ngô Thanh T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Số B đường L, Phường N, Quận Q, Thành phố Hồ Chí Minh. Tòa án đã tống đạt, niêm yết công khai các văn bản tố tụng, triệu tập bị đơn đến Tòa án để giải quyết vụ kiện nhưng bị đơn – Ông Ngô Thanh T đã không đến Tòa án để giải quyết vụ án cũng như không có văn bản phản hồi cho Tòa án; do đó, không thể lấy lời khai cũng như tiến hành hòa giải với bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về nội dung giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Nguyên đơn, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt, niêm yết hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo. Tuy nhiên, Thẩm phán vi phạm thời hạn tống đạt Thông báo thụ lý cho bị đơn và giao quyết định đưa vụ án ra xét xử cho Viện kiểm sát trễ hạn theo khoản 1 Điều 196, Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Về nội dung: qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa thể hiện yêu cầu khởi kiện của Bà Viên Thúy N là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Bà Viên Thúy N được ly hôn với Ông Ngô Thanh T, trẻ Ngô Thái H (nam, sinh ngày 02/7/2017) giao cho Bà Viên Thúy N trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Viên Thúy N khởi kiện yêu cầu ly hôn với Ông Ngô Thanh T, đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc

thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đồng thời, ông T hiện đang cư trú trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh; do đó, theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng của Tòa án như Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập tham gia phiên hòa giải, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham dự phiên tòa đều đã được tống đạt, niêm yết công khai đúng theo quy định. Tuy nhiên, trong lần hòa giải thứ hai, cũng như cả hai lần Tòa án mở phiên tòa, bị đơn - Ông Ngô Thanh T đều vắng mặt mà không rõ lý do. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt ngày 17/6/2020. Căn cứ Khoản 2 Điều 227 và Khoản 1, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[3] Về các yêu cầu của đương sự:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số Giấy chứng nhận kết hôn số C đăng kí ngày 03/8/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường N Quận Q Thành phố Hồ Chí Minh, thì có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa Bà Viên Thúy N và Ông Ngô Thanh T là hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn thì giữa bà N và ông T đã phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, chủ yếu là mâu thuẫn về mặt tình cảm, vợ chồng không có tiếng nói chung, quan điểm sống khác biệt, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ảnh hưởng đến con cái. Ông T không có trách nhiệm với vợ con, không phụ giúp kinh tế, mọi việc trong nhà chỉ có một mình bà N lo lắng, quán xuyến. Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định, trong đó có văn bản thể hiện rõ các yêu cầu khởi kiện của bà N, nhưng ông T không hề có ý kiến phản hồi và việc không đến Tòa án tham gia vào việc giải quyết vụ án cũng thể hiện rằng ông T không có thiện chí đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Từ những nguyên nhân trên cho thấy, quan điểm sống của vợ chồng ông T và bà N không phù hợp. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông T là trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà Viên Thúy N được ly hôn Ông Ngô Thanh T.

Về con chung: Xét thấy yêu cầu của Bà Viên Thúy N về việc trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Ngô Thái H (nam, sinh ngày 02/7/2017). Hội đồng xét xử xét thấy cháu H còn nhỏ, cần nhận được sự chăm sóc, nuôi dưỡng trực tiếp từ mẹ; Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân Gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Bà Viên Thúy N giao con chung cho bà N nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con, Bà Viên Thúy N yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi

con mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Ngày 15/6/2020, bà N có đơn đề nghị rút yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, xét yêu cầu của đương sự không trái với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Viên Thúy N và Ông Ngô Thanh T được quyền khởi kiện giải quyết về tài sản khi có yêu cầu.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Viên Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 11 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận; thống nhất với ý kiến Viện kiểm sát về việc chậm tống đạt thông báo thụ lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273, 278, 280 của Bộ Luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

Căn cứ Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của Bà Viên Thúy N ;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Viên Thúy N được ly hôn với Ông Ngô Thanh T (Giấy chứng nhận kết hôn số 96/2017, đăng kí ngày 03/8/2017 tại Ủy ban nhân dân Phường 05 Quận 11 Thành phố Hồ Chí Minh không còn giá trị).

2. Về con chung: Bà Viên Thúy N được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là trẻ Ngô Thái H (nam, sinh ngày 02/7/2017).

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Đình chỉ đối với yêu cầu của Bà Viên Thúy N về việc yêu cầu Ông Ngô Thanh T cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn Ông Ngô Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

4. Về tài sản chung: Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà Viên Thúy N và Ông Ngô Thanh T được quyền khởi kiện giải quyết về tài sản khi có yêu cầu.

5. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

6. Án phí: Bà Viên Thúy N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2019/0015362 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

7. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hoặc niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

9. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP. HCM;
- VKSND Quận 11;
- Chi cục THADS Quận 11;
- Các đương sự;
- UBND Phường N, Quận Q;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Thị Thu Thủy